

Số: 159/HD-HKH

Đắk Nông, ngày 24 tháng 11 năm 2022

## HƯỚNG DẪN

**tổ chức đánh giá, công nhận các danh hiệu “Gia đình học tập,  
Dòng họ học tập, Cộng đồng học tập (thôn, bon, buôn, tổ dân phố),  
Đơn vị học tập ở cơ sở thuộc xã quản lý và Công dân học tập”**

Căn cứ Quyết định số 242, 244/QĐ-KHVN ngày 28 tháng 7 năm 2022, Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam ban hành về Bộ tiêu chí và Hướng dẫn đánh giá, công nhận các danh hiệu “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập” và “Công dân học tập” giai đoạn 2021 - 2030.

Căn cứ Kế hoạch số 616 /KH-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc thực hiện chương trình đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị và xây dựng mô hình Công dân học tập giai đoạn 2021-2030”; triển khai chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2030.

Để Bộ tiêu chí các mô hình học tập được áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh. Hội Khuyến học tỉnh hướng dẫn việc tổ chức đánh giá, công nhận các danh hiệu “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” thôn, bon, buôn, tổ dân phố, “Đơn vị học tập” cấp xã và “Công dân học tập” như sau:

**I. Tiêu chí đánh giá, công nhận các danh hiệu “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập” và “Công dân học tập”(có bản phụ lục đính kèm)**

### II. Trình tự đăng ký và xét công nhận

**1. Danh hiệu “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” thôn, bon, buôn, tổ dân phố và “Đơn vị học tập” cấp xã.**

**a. Đối tượng:** Mô hình học tập nằm trên địa bàn hành chính cấp xã

**b. Trình tự đăng ký và xét công nhận:** Tiếp tục thực hiện Quyết định số 448/QĐ-KHVN ngày 1/12/2015 của Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam. Trong đó vận dụng bộ tiêu chí khung đã chỉnh sửa, bổ sung tại quyết định 242/QĐ-KHVN phải bảo đảm nguyên tắc vẫn giữ đúng 9 chỉ số đánh giá. Không thay đổi 3 tiêu chí đánh giá cơ bản: Kết quả học tập, Điều kiện học tập, Tác dụng của học tập.

**c. Điều kiện được công nhận:**



- Tổng số điểm đạt từ 80 điểm trở lên

- Không bị điểm liệt

- Với các chỉ số đo, nếu không đạt đầy đủ thì không cho điểm tối đa. Tùy vào mức độ đạt được cụ thể để xác định mức điểm tương xứng. Riêng với chỉ số 5 thuộc tiêu chí I của mô hình “Gia đình học tập”; chỉ số 3 thuộc tiêu chí I của mô hình “Dòng họ học tập”, chỉ số 2 thuộc tiêu chí I của mô hình “Cộng đồng học tập” và chỉ số 4 thuộc tiêu chí I của mô hình “Đơn vị học tập phải đạt đủ tỷ lệ 40% số người lớn trong gia đình, dòng họ, cộng đồng và 60% cán bộ, công nhân viên trong đơn vị đạt danh hiệu “Công dân học tập”. Nếu tỷ lệ này không được bảo đảm thì số điểm đánh giá Công dân học tập trong các mô hình học tập cấp xã sẽ bằng 0 điểm.

## **2. Danh hiệu Công dân học tập**

**a. Đối tượng:** Công dân trên 18 tuổi trong toàn xã hội trừ học sinh phổ thông, sinh viên đang học cao đẳng, đại học hệ chính quy...

### **b. Thẩm quyền và thời hạn công nhận**

+ Đối với mô hình “Công dân học tập”: Tiến hành đánh giá theo bộ tiêu chí tại Quyết định số 244/QĐ-KHVN ngày 28/7/2022 của Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam.

- Cá nhân là nông dân, lao động nông thôn, lao động tiểu thủ công, thợ sửa chữa thiết bị gia dụng, buôn bán, lao động tự do sẽ do UBND xã, phường, thị trấn nơi cá nhân đó cư trú xem xét, công nhận danh hiệu “Công dân học tập”.

- Cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên, công nhân của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học, lực lượng vũ trang nào thì do Ban, chi hội khuyến học cơ quan, đơn vị đó trình Thủ trưởng đơn vị xem xét, công nhận danh hiệu “Công dân học tập”; Nếu đơn vị chưa có Ban, Chi Hội Khuyến học thì có thể đề nghị tổ chức Công đoàn (hoặc Đoàn Thanh niên) phối hợp, xác nhận và trình Thủ trưởng đơn vị quyết định công nhận và gửi báo cáo về Hội Khuyến học cùng cấp trước ngày 30/11 hàng năm.

- Những người đạt danh hiệu CDHT 5 năm liền được ghi nhận là CDHT tiêu biểu.

### **c. Điều kiện được công nhận**

- Tổng số điểm đạt từ 80 điểm trở lên (riêng đối với những người ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số thì đạt từ 70 điểm trở lên).

- Không bị điểm liệt

- Với các chỉ số đo, nếu không đạt đầy đủ thì không cho điểm tối đa. Tùy vào mức độ đạt được cụ thể để xác định mức điểm tương xứng.

### **d. Hồ sơ đề nghị xét công nhận**

- Bản tự chấm điểm của cá nhân đề nghị công nhận (kèm theo minh chứng)

- Biên bản và công văn có danh sách kèm theo của tổ chức khuyến học đề nghị hoặc tổ chức Công đoàn (hoặc Đoàn Thanh niên) phối hợp, xác nhận và trình Thủ trưởng đơn vị quyết định công nhận.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Nội vụ (để b/c);
- Ban Tuyên giáo (để b/c);
- CT, Các PCT Hội (b/c);
- UBND các huyện, thành phố (p/h);
- Phòng GD&ĐT 8 huyện, thành phố (p/h);
- Hội Khuyến học 8 huyện, thành phố (p/h);
- Lưu: VT.

**TM. BAN CHẤP HÀNH  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Lê Đình Vương*



**A-CÁC BỘ TIÊU CHÍ KHUNG GIA ĐÌNH HỌC TẬP,  
DÒNG HỌ HỌC TẬP, CỘNG ĐỒNG HỌC TẬP (thôn, bon,  
buôn, tổ dân phố), ĐƠN VỊ HỌC TẬP**  
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 23/HD-HKH ngày 21 tháng 11 năm 2022  
của Hội Khuyến học tỉnh Đắk Nông)

**I. Mô hình “Gia đình học tập”**

Tiêu chí	Chỉ số đánh giá (đã bổ sung và sửa đổi)	Điểm
<b>I. Kết quả học tập</b> của gia đình (60 điểm)	1. Trẻ em trong độ tuổi đi học đều được đến trường, hoàn thành phổ cập giáo dục theo quy định.	10
	2. Kết quả học tập của học sinh, sinh viên phải đạt yêu cầu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Ngay từ bậc tiểu học, trẻ em đã có kỹ năng tối thiểu học tập trực tuyến do nhà trường tổ chức theo quy định.	10
	3. Hạnh kiểm của học sinh, sinh viên phải đạt yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trẻ em phải lễ phép với mọi người trong gia đình, khu dân cư và ngoài xã hội; Đoàn viên thanh niên phải hoàn thành tốt nhiệm vụ và chỉ tiêu phấn đấu theo quy định của tổ chức Đoàn TNCSHCM; tích cực tham gia các hoạt động chung ở địa phương nơi cư trú.	10
	4. 100% người trong độ tuổi từ 16-60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 trở lên theo quy định; đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn từ 90% trở lên. Người cao tuổi còn sức khỏe tham gia học tập ít nhất 01 nội dung bổ ích, phục vụ cho cuộc sống hàng ngày.	15
	5. - 90% cán bộ, công chức, viên chức trong gia đình được đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số, kỹ năng số và chuyên môn theo quy định của Nhà nước; - 70% người lớn là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được tìm hiểu hoặc học tập các chương trình giáo dục kỹ năng sống; - 40% người lớn trong gia đình đạt danh hiệu công dân học tập;	15
<b>II. Điều kiện học tập</b> của gia đình (20 điểm)	6. Mọi người trong gia đình giúp đỡ nhau, tạo điều kiện học tập tại trường học, trung tâm học tập cộng đồng, nhà văn hóa, thư viện..., dự các hội nghị, hội thảo. Gia đình có hình thức khen thưởng, động viên các thành viên trong gia đình tích cực tự học, học tập thường xuyên.	10

	7. Gia đình có góc học tập cho trẻ em, có sách báo, TV, máy tính nối mạng hoặc điện thoại thông minh để mọi người có điều kiện tự học và học tập thường xuyên. - Người lớn là cán bộ, công chức, viên chức trong gia đình biết ít nhất 01 ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số (theo quy định) để sử dụng vào công việc...	10
III. Tác dụng của học tập đối với gia đình (20 điểm)	8. Gia đình thoát nghèo hoặc có cuộc sống khá trở lên, ai cũng có nghề hoặc việc làm ổn định (trừ những người đã hết tuổi lao động). Gia đình biết xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, góp phần tích cực phát triển kinh tế gia đình và địa phương.	10
	9. Gia đình sống hòa thuận, gắn bó, chia sẻ với các gia đình trong thôn, bản, tổ dân phố. Tích cực tham gia công tác khuyến học, các cuộc vận động như “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, “toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và các phong trào khác ở địa phương. Tích cực gìn giữ môi trường xanh, sạch, đẹp; thực hiện tốt quy định của pháp luật.	10

## II. Mô hình “Dòng họ học tập”

Tiêu chí	Chỉ số đánh giá	Điểm
I. Kết quả học tập của dòng họ (55 điểm)	1. 80% số gia đình trong dòng họ đạt danh hiệu “Gia đình học tập” (60% đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn). - Trẻ khuyết tật cũng được học tập (trừ trường hợp ốm đau, bệnh tật quá nặng hoặc không có khả năng học tập). - 90% đoàn viên, thanh niên trong dòng họ theo học các khóa ngắn hạn để có kỹ năng sử dụng các thiết bị điện tử phục vụ cho công việc.	20
	2. 100% người trong độ tuổi từ 16-60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 trở lên theo quy định; đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn từ 90% trở lên	15
	3. 40% người lớn trong dòng họ đạt danh hiệu “Công dân học tập”	20

<b>II. Điều kiện học tập của dòng họ (25 điểm)</b>	4. Dòng họ có nhiều hình thức động viên, khen thưởng kịp thời đối với những thành viên có tinh thần tự học và tham gia học tập thường xuyên, <b>giúp đỡ các gia đình khó khăn, bảo đảm con em trong dòng họ đều được đi học và đạt yêu cầu của Bộ GDĐT.</b>	15
	5. Quỹ Khuyến học của dòng họ đạt từ <b>32.000- 35.000 đồng/đầu người</b> và ngày càng tăng.	10
<b>III. Tác dụng của học tập đối với dòng họ (20 điểm)</b>	6. Trong dòng họ không có hộ nghèo. Các gia đình trong dòng họ đoàn kết, giúp đỡ nhau trong học tập, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. <b>Mọi người trong độ tuổi lao động đều có nghề hoặc việc làm ổn định.</b>	10
	7. Dòng họ tích cực tham gia các phong trào: xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; <i>phát triển văn hóa đọc, tham gia học tập trong TTHTCD, nhà văn hóa, thư viện...</i> và các phong trào khác liên quan của địa phương.	10

### III. Mô hình “Cộng đồng học tập” thôn, bon, buôn, tổ dân phố

Tiêu chí	Chỉ số đánh giá	Điểm
<b>I. Kết quả học tập của cộng đồng (50 điểm)</b>	1. <b>80%</b> số gia đình trong thôn bản/tổ dân phố đăng ký đạt danh hiệu “Gia đình học tập” (60% đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn); trong đó <b>70%</b> trở lên số gia đình đăng ký đạt danh hiệu “Gia đình học tập”.	20
	2. <b>40%</b> người trong độ tuổi lao động đạt danh hiệu công dân học tập - <b>90%</b> đoàn viên, thanh niên trong cộng đồng theo học các khóa ngắn hạn để có kỹ năng sử dụng các thiết bị điện tử phục vụ cho công việc.	20
	3. - <b>100%</b> người lớn học tập thường xuyên; <b>tối thiểu đạt chuẩn biết chữ mức độ 1</b> - <i>100%</i> người trong độ tuổi từ 16-60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 trở lên theo quy định; đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn từ <b>90%</b> trở lên.	10

## B. BỘ TIÊU CHÍ “CÔNG DÂN HỌC TẬP”

(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số /HD-HKH ngày tháng năm 2022 của Hội Khuyến học tỉnh Đắk Nông)

### Bộ tiêu chí khung và chỉ số đánh giá mô hình “Công dân học tập”

Tiêu chí khung	Chỉ số đánh giá (các kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn)	Điểm
<b>I.</b> <i>Năng lực tự học, học tập suốt đời</i>	1. Kỹ năng: tìm kiếm, tra cứu, đọc, cập nhật thông tin và kiến thức trên sách báo, các phương tiện truyền thông đại chúng, các thiết bị điện tử cá nhân.	10
	2. Kỹ năng: sắp xếp/xây dựng kế hoạch học tập theo các chương trình phục vụ yêu cầu công việc, hoặc do Nhà nước, cơ quan, đoàn thể quy định.	10
	3. Kỹ năng: sắp xếp hợp lý công việc để có thời gian tham gia các hoạt động cộng đồng, tại các cơ sở, thiết chế văn hóa, giáo dục hoặc các hội thảo, hội nghị nhằm trang bị kiến thức cho bản thân	10
	4. Kỹ năng: động viên, tạo điều kiện cho người thân trong gia đình và đồng nghiệp được học tập thường xuyên.	10
<b>II.</b> <i>Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc</i>	5. Kỹ năng: sử dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc và cuộc sống.	10
	6. Kỹ năng: sử dụng ngoại ngữ theo yêu cầu công việc và vị trí đảm nhận.	10
	7. Kỹ năng: tính toán để công việc luôn được cải tiến, sáng tạo, đạt chất lượng và hiệu quả cao, đóng góp nhiều cho cộng đồng và xã hội.	10
	8. Kỹ năng: tư duy biện chứng và tư duy phản biện trong công việc, trong sản xuất kinh doanh, dịch vụ... và hoạt động xã hội.	10
<b>III.</b> <i>Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội</i>	9. Kỹ năng: thiết lập mối quan hệ thân thiện với mọi người; kỹ năng giải quyết xung đột, thích ứng an toàn. Có trách nhiệm với gia đình, cộng đồng và xã hội. Tuân thủ pháp luật.	10
	10. Kỹ năng: hợp tác, chia sẻ trong lao động, học tập và hoạt động xã hội. Tôn trọng bình đẳng giới và sự đa dạng văn hóa. Có ý thức bảo vệ môi trường.	10
	<b>Tổng điểm tối đa</b>	<b>100</b>

## Nhóm 1. Tiêu chí và chỉ số đánh giá Công dân học tập

(Dùng cho nông dân và lao động nông thôn)

<i>Tiêu chí (Năng lực cốt lõi)</i>	<i>Chỉ số đánh giá (Kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn)</i>	<i>Điểm</i>
<b>I. Năng lực tự học, học tập suốt đời</b>	1. Hàng ngày dành thời gian hợp lý để đọc sách báo, cập nhật thông tin trên đài phát thanh, đài truyền hình hoặc trong điện thoại di động...	10
	2. Tham gia học tập tại Trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm dạy nghề tham gia các khóa huấn luyện ... để làm tốt công việc sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, buôn bán và dịch vụ trên địa bàn nông thôn.	10
	3. Biết sắp xếp thời gian lao động hợp lý để có thời gian tham gia các hoạt động đoàn thể hoặc hoạt động của các tổ chức xã hội, các buổi sinh hoạt ở Nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện tại địa bàn cấp xã.	10
	4. Chăm lo, giúp đỡ, động viên, khuyến khích mọi người trong gia đình và bà con hàng xóm, bà con trong cộng đồng... học tập thường xuyên.	10
<b>II. Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc</b>	5. Sử dụng được điện thoại di động hoặc máy tính bảng, ipad vào công việc sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, giao dịch có hiệu quả (Thương mại điện tử).	10
	6. Tham gia học một ngoại ngữ hoặc ngôn ngữ của đồng bào thiểu số để chào hỏi, làm quen, hiểu được một số hướng dẫn bằng tiếng nước ngoài đối với một số mặt hàng như phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn gia cầm – gia súc, hoặc các quy tắc an toàn... trong cuộc sống.	10
	7. Biết xếp sắp hợp lý công việc để có năng suất lao động cao hơn, hiệu quả công việc tốt hơn, tăng thu nhập cho bản thân và gia đình.	10
	8. Biết tính toán, suy nghĩ, phân tích, đánh giá tác động của các yếu tố đến một công việc sẽ triển khai trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trước khi quyết định thực hiện.	10
<b>III. Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội</b>	9. Thân thiện, hòa đồng với mọi người trong cộng đồng; đoàn kết, gắn bó với bà con thôn xóm, tổ dân phố. Có trách nhiệm với gia đình và xã hội. Tham gia giữ gìn an ninh trật tự đảm bảo an toàn giao thông.	10
	10. Hợp tác, chia sẻ với mọi người trong lao động sản xuất và hoạt động xã hội; tôn trọng mọi người, ứng xử đúng mực trong giao tiếp; có ý thức bảo vệ môi trường.	10
<b>Tổng cộng</b>		<b>100</b>



**Nhóm 2. Tiêu chí và chỉ số đánh giá Công dân học tập**  
(Dùng cho công nhân, lao động tiểu thủ công, thợ sửa chữa thiết bị gia dụng,  
lao động tự do...)

<i>Tiêu chí (Năng lực cốt lõi)</i>	<i>Chỉ số đánh giá (Kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn)</i>	<i>Điểm</i>
<b>I. Năng lực tự học, học tập suốt đời</b>	1. Hàng ngày có dành thời gian để đọc sách báo, cập nhật thông tin trên đài phát thanh, đài truyền hình hoặc trong điện thoại, thiết bị điện tử cầm tay.	10
	2. Xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập theo các chương trình do nhà máy, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tổ chức, theo học các lớp học ngắn hạn, các khóa huấn luyện của đơn vị, đoàn thể, trung tâm dạy nghề, trung tâm ngoại ngữ - tin học....	10
	3. Sắp xếp công việc hợp lý để có thời gian tham gia các hoạt động của Nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện, các hội nghị có nội dung liên quan đến công việc đang làm, các cuộc vận động thi đua tại cộng đồng.	10
	4. Quan tâm khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện để người thân trong gia đình và bạn bè, đồng nghiệp học tập thường xuyên, cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm làm ăn, phát triển nghề nghiệp, nâng cao kiến thức.	10
<b>II. Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc</b>	5. Sử dụng được máy vi tính, điện thoại thông minh, các thiết bị điện tử để làm tốt nhiệm vụ sản xuất, kết nối với đồng nghiệp, với các đối tác để phát triển chuyên môn – nghiệp vụ, nâng cao tay nghề.	10
	6. Biết sử dụng ngoại ngữ để giao dịch với khách hàng, mở rộng giao lưu, hiểu được những hướng dẫn cơ bản về công việc làm ăn, sử dụng thiết bị sản xuất.	10
	7. Biết tính toán để hợp lý hóa các thao tác, tổ chức nơi làm việc khoa học; cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động; nâng cao tay nghề và kỹ năng nghề nghiệp.	10
	8. Biết phân tích, định ra những phương án, giải pháp hợp lý trong xây dựng kế hoạch sản xuất, tổ chức và quản lý công việc, quản lý và bảo dưỡng công cụ, máy móc và các thiết bị, tiết kiệm nguyên vật liệu.	10
<b>III. Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội</b>	9. Xây dựng được mối quan hệ thiện cảm với khách hàng, với người xung quanh, không làm hàng giả, hàng kém chất lượng. Tuân thủ kỷ luật lao động. Có trách nhiệm với gia đình, cơ quan, nhà máy, doanh nghiệp, tập thể người lao động và xã hội.	10
	10. Gắn kết, hợp tác và chia sẻ với đồng nghiệp trong tập thể cơ quan, đơn vị; giúp đỡ khi đồng nghiệp gặp khó khăn, tích cực xây dựng tập thể lao động tiên tiến, tôn trọng mọi người. Ứng xử đúng mực trong giao tiếp; Có ý thức bảo vệ môi trường, thực hiện và vận động mọi người đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư và xây dựng đô thị văn minh.	10
<b>Tổng cộng</b>		<b>100</b>

### Nhóm 3. Tiêu chí đánh giá công nhận công dân học tập

(Dùng cho cán bộ quản lý, công chức, viên chức, nhân viên từ cấp xã trở lên, doanh nhân, quản lý doanh nghiệp,...)

<i>Tiêu chí (Năng lực cốt lõi)</i>	<i>Chỉ số đánh giá (Kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn)</i>	<i>Điểm</i>
<b>I. Năng lực tự học, học tập suốt đời</b>	1. Kỹ năng đọc, cập nhật thông tin và kiến thức trên sách báo, tivi, trên mạng Internet, điện thoại thông minh.	10
	2. Kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập theo các chương trình phục vụ yêu cầu công việc hoặc do Nhà nước, cơ quan, đoàn thể quy định.	10
	3. Kỹ năng tính toán, xếp sắp hợp lý các công việc để có thời gian tham gia hoạt động văn hóa, khoa học, các hội nghị, hội thảo có nội dung cần thiết cho chuyên môn nghề nghiệp của bản thân.	10
	4. Kỹ năng động viên, khích lệ và tạo điều kiện cho người thân trong gia đình và đồng nghiệp học tập thường xuyên.	10
<b>II. Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc</b>	5. Kỹ năng sử dụng máy tính, điện thoại thông minh và các thiết bị số để truy cập internet nhằm học tập thường xuyên trên mạng, trao đổi thông tin điện tử, giao lưu trực tuyến, mua bán thông qua thiết bị điện tử, sử dụng các dịch vụ trực tuyến; không vi phạm các quy định về an ninh, an toàn khi sử dụng mạng.	10
	6. Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ và vị trí đảm nhiệm.	10
	7. Kỹ năng tính toán thu xếp công việc một cách hợp lý, lao động có khoa học, có sáng kiến, đổi mới sáng tạo để công việc có chất lượng và hiệu quả cao, đóng góp tích cực cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp...	10
	8. Kỹ năng tư duy biện chứng, tư duy phản biện: Khả năng phân tích vấn đề rõ ràng, hợp lý, toàn diện, khách quan, logic và phát triển... áp dụng trong lao động, sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu khoa học và hoạt động xã hội.	10
<b>III. Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội</b>	9. Kỹ năng tạo mối quan hệ thân thiện với mọi người, điều hòa các mâu thuẫn để tránh xung đột. Có trách nhiệm với gia đình, đơn vị công tác, tập thể lao động và cộng đồng xã hội. Tuân thủ pháp luật. Ứng xử có văn hóa với người nói ngôn ngữ khác.	10
	10. Kỹ năng hợp tác, chia sẻ trong lao động và hoạt động xã hội. Tôn trọng bình đẳng giới, sự đa dạng văn hóa và ngôn ngữ. Ứng xử đúng mực trong giao tiếp; Có ý thức bảo vệ môi trường. thực hiện và vận động mọi người đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư và xây dựng đô thị văn minh.	10
<b>Tổng cộng</b>		<b>100</b>

Mẫu đăng ký phần đấu trở thành “Công dân học tập”:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐĂNG KÝ THAM GIA XÂY DỰNG MÔ HÌNH**  
**“CÔNG DÂN HỌC TẬP”**

TT	Họ và tên <i>Điện thoại</i>	Ngày sinh		Dân tộc	Đơn vị	Địa chỉ	Giai đoạn
		Nam	Nữ				
...	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....

*Tôi tự nguyện phần đấu, học tập để trở thành “Công dân học tập” theo Bộ tiêu chí gồm 3 năng lực cốt lõi và 10 chỉ số đánh giá như hướng dẫn.*

*....., ngày .... tháng ..... năm 202...*

*Ký tên*